

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 99/2024/HNGĐ-PT
Ngày 27/6/2024
“V/v: Chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tiến Phong

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyễn

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Nam, Thư ký tòa Lao động.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Hoàng Vĩnh T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2024/TLPT- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: “Chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 488/2023/HNGĐ- ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2024/QĐPT- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: Số A hẻm G đường N, K, quận T, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Thế D, sinh năm 1971; nơi đăng ký thường trú: Tập thể Đoàn văn công quân khu I, tổ D, cụm D K, quận T, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V, Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn ly hôn và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Về tình cảm: Bà H và ông Hồ Thế D là vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng kết hôn ngày 28/11/2002 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2009, thì ông D theo bạn bè xấu chơi bời, tệ nạn, quan hệ ngoài luồng cặp kè với phụ nữ khác. Mâu thuẫn

trầm trọng, vợ chồng ly thân từ năm 2013, nay bà xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Hồ Duy A**, sinh ngày 21/6/2003, hiện đang ở với bà **H**. Từ khi vợ chồng ly thân, ông **D** không quan tâm chu cấp nuôi dưỡng con chung. Cháu **Hồ Duy A** đã trên 18 tuổi nhưng hàng chục năm qua cháu bị mắc bệnh trầm cảm nặng không học tập được, không lao động được mà hàng ngày phải uống thuốc theo bệnh án của Bệnh viện của **Bộ X** nên kinh tế mẹ con hết sức khó khăn. Bà **H** xin cung cấp bệnh án, đơn xin trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn được **UBND phường K, quận T** xác nhận để xin Tòa giảm án phí tranh chấp.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 01 ngôi nhà 05 tầng; địa chỉ tại **số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội** (Trên giấy chứng nhận ghi là tổ 5 cụm 4 **K, quận T, Hà Nội**) đã được **UBND quận T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được **Văn phòng Đ – Chi nhánh quận T** đăng ký theo số 114 ngày 28/01/2011 mang tên **Hồ Thế D** và **Nguyễn Thị Lan H** theo Hợp đồng chuyển nhượng số 839.11 ngày 26/1/2011 lập tại **Phòng C1 Hà Nội**.

Về nguồn gốc: Nhà trên được 02 vợ chồng mua năm 2010; tiền bỏ ra để mua chủ yếu được bố mẹ chồng bán đất ở chỗ khác để cho cả 02 vợ chồng mua nhà. Vợ chồng có bỏ ra một ít tiền chung khi mua và toàn bộ tiền tu sửa nhà sau mua. Do ông **D** nghiện ngập, trai gái và hiện đi tù từ năm 2020 đến nay về tội mua bán ma túy nên nhà đã xuống cấp, bà đã phải đi vay mượn khoản tiền lớn để tu sửa và cho người khác thuê để lấy tiền cho 02 mẹ con sinh hoạt hàng ngày. Ly hôn bà **H** đề nghị chia cho bà và ông **D** mỗi người 50/50 giá trị tài sản; bà ở lại nhà để nuôi con và có trách nhiệm thanh toán 50% giá trị tiền cho ông **D**.

Ngoài tài sản trên, bà không có yêu cầu gì khác.

Hiện nay những người thuê nhà, được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vụ án đã trả lại nhà cho bà và đi thuê ra chỗ khác. Lý do, nhà không đủ tiêu chuẩn cho thuê vì nguyên tắc phòng cháy chữa cháy được Công an phường kiểm tra và lập biên bản nên việc cho thuê nhà ở tạm thời dừng lại; nay nhà đất trên chỉ có 02 mẹ con bà ở.

Tại bản tự khai ngày 07/9/2023, ông Hồ Thế D trình bày: Ông **Hồ Thế D** đồng ý ly hôn và đồng ý về việc chia tài sản chung của vợ chồng để bà **H** và con chung là cháu **Hồ Duy A** sớm ổn định cuộc sống.

Ông đề nghị Toà án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại **số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội** (Sổ đỏ số BD696213 cấp ngày 17/9/2010 chưa đổi sổ) theo như yêu cầu của bà **H**. Về tỷ lệ chia, do nguồn gốc tài sản là tiền do bố mẹ đẻ ông cho 02 vợ chồng nên ông đề nghị Toà án chia theo tỷ lệ: Ông được hưởng 60% giá trị nhà đất, bà **H** được hưởng 40% giá trị nhà đất.

Trường hợp Toà chia hiện vật cho bà H và chia cho ông theo giá trị thì ông cũng đồng ý, nhưng theo giá mà Hội đồng định giá đã đưa ra (170.000.000 đồng/m² đất). Ông đồng ý với biên bản thẩm định và biên bản định giá mà Toà án đã cho ông xem. Về kết quả đo đạc theo Hồ sơ hiện trạng nhà đất lập tháng 6 năm 2023 mà Toà cho ông xem thì ông có ý kiến như sau: Diện tích đất theo sổ đỏ là 58,5m². Nhưng khi chủ cũ xây nhà thì xây thụt tầng 1 vào khoảng 1,2m của diện tích đất theo sổ đỏ. Từ tầng 2 trở lên thì xây ô văng đưa ra đủ diện tích đất nên ông đề nghị đo lại, tính mốc từ điểm ngoài ô văng kéo xuống, kết quả đo lại tương ứng với sổ đỏ mới là đúng. Ngoài ra, ông không có đề nghị gì khác về tài sản trên và ông cũng không đề nghị chia tài sản nào khác.

Toà án đã tiến hành mời Công ty cổ phần Đ1 Địa chính và Tài nguyên môi trường đo lại nhà đất tranh chấp, cho kết quả tổng diện tích đất là 57,0m²; tổng diện tích sàn xây dựng là: 274,6m².

Toà án thu thập chứng cứ tại Văn phòng Đ chi nhánh quận T, được trả lời như sau: Giấy chứng nhận số BD 696213 được UBND quận T cấp cho ông Cao Huy T1 và bà Lê Thị Kim D1 ngày 17/9/2010 tại địa chỉ số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội với nội dung: Thửa đất số 38(1P), tờ bản đồ số: 16-C-I-a; Đất ở: Sử dụng riêng 58,5m², sử dụng chung 0,0m². Ngày 26/1/2011 ông Cao Huy T1 và bà Lê Thị Kim D1 chuyển nhượng toàn bộ nhà đất trên cho ông Hồ Thế D và bà Nguyễn Thị Lan H theo hợp đồng chuyển nhượng số 839.11, lập tại Phòng C1 – TP Hà Nội, đăng ký sang tên tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T (Nay là: Văn phòng Đ- Chi nhánh quận T).

Tại Bản án sơ thẩm số 488/2023/HNGĐ- ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, TP . xét xử quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lan H và ông Hồ Thế D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Duy A (nam), sinh ngày 21/6/2003. Con chung hiện đã ở tuổi trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, ở với ai là quyền của con chung.

3. Về chia tài sản chung của vợ chồng: Chia nhà đất trên theo giá trị: Ông D được 60%, bà H được 40%. Giao toàn bộ nhà đất tại địa chỉ: số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội, mang tên ông Hồ Thế D và bà Nguyễn Thị Lan H cho bà Nguyễn Thị Lan H. Bà Nguyễn Thị Lan H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà theo qui định của pháp luật.

Bà H phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho ông Hồ Thế D tổng số tiền là 6.722.299.702 đồng, tiền chênh lệch về tài sản chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H có đơn kháng cáo yêu cầu được nhận 50% tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà H giữ nguyên kháng cáo cho rằng: Từ năm 2009 đến nay ông D nghiện ngập, chơi bời bạn bè, trai gái nên không chăm sóc gia đình vợ con. Về tình cảm: Ông D đã nhiều lần đánh đập bà; để đảm bảo tính mạng có thời gian bà đã phải bế con ra ngoài thuê nhà để ở. Về kinh tế, ông D không có đóng góp gì cho mẹ con bà; nhiều lúc bà còn phải trả nợ cho ông D. Tiền mua nhà cũng có một phần tiền của chung 02 vợ chồng; ngoài ra bà đã phải bỏ số tiền lớn ra để tu sửa lại nhà. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, chia cho bà 50% giá trị tài sản.

Bà đề nghị Tòa xem xét hoàn cảnh của gia đình bà (Có đơn xác nhận của chính quyền địa phương) và giảm án phí cho bà.

- Ông D có đơn xin xử án vắng mặt và giữ nguyên với lời đề nghị trên về việc phân chia tài sản khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

* Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của đương sự, Đại diện VKSND thành phố Hà Nội đã có ý kiến như sau:

- Đối với ông Hồ Thế D, kể từ năm 2009 đã đi vào con đường nghiện ma túy, không quan tâm chăm sóc gia đình; sau đó ông D còn bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng (Sống như vợ chồng với người phụ nữ khác tên là Hoàng Thị C – Theo giấy xác nhận của Công an T2 - BL 38); cho nên lỗi để xảy ra ly hôn là do ông D gây ra.

Mặt khác, ông bà có 01 con chung đã trên 18 tuổi, nhưng do bệnh tật cháu Duy A nay chưa có khả năng lao động. Quá trình chung sống, công sức nuôi con chủ yếu là do bà H; hiện tại gia đình bà có khó khăn (Có xác nhận của chính quyền địa phương).

Đối với tài sản tranh chấp thấy: Nhà đất có được phần lớn tiền được mua là do bố mẹ để ông D cho cả 02 vợ chồng; tuy nhiên ông D nghiện ngập phá tán tài sản đã

nhiều năm qua; còn bà H là người thu vén gia đình, có công trong việc tu bổ, duy trì khối tài sản chung.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chia tài sản nhà đất trên theo giá trị 50/50 giữa ông D và bà H. Giao nhà đất trên cho bà H quản lý sử dụng, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông D 50% giá trị tài sản bằng tiền.

2. Đề nghị xem xét giảm án phí tranh chấp có giá ngạch cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hình thức:** Đơn kháng cáo đề ngày 06/10/2023 của bà Nguyễn Thị Lan H có nội dung và hình thức phù hợp với nội dung vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] **Về nội dung:** Khi ly hôn, vợ chồng ông Hồ Thế D và bà Nguyễn Thị Lan H có 01 tài sản chung là ngôi nhà 05 tầng xây trên diện tích đất thực tế là 57m² (trong sổ là 58,5m²) tại số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội mang tên Hồ Thế D và Nguyễn Thị Lan H được đăng ký theo số 114 ngày 28/01/2011 tại Văn phòng Đ – Chi nhánh quận T theo Hợp đồng chuyển nhượng số 839.11 ngày 26/1/2011 lập tại Phòng C1 Hà Nội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông D 60% , bà H 40% giá trị nhà, đất và giao nhà đất cho bà H; bà H có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông D 60% giá trị = 6.722.299.702 đồng.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, bà H kháng cáo và đề nghị được chia 50/50 giữa bà với ông D.

[3] Xét kháng cáo của Nguyễn Thị Lan H thì thấy:

- Về tài sản: Nhà đất trên là tài sản chung được đứng tên cả 02 vợ chồng ông, bà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, cấp.

- Về nguồn gốc: Ông bà đều thừa nhận rằng nhà đất trên được ông bà mua trong thời kỳ hôn nhân, nhưng nguồn tiền để mua phần lớn là do bố mẹ đẻ của ông Hồ Thế D cho cả 02 vợ chồng khi mua.

- Kể từ năm 2011, ông **D** chơi bời bạn bè, nghiện ma túy và có quan hệ trai gái (Vi phạm chế độ một vợ một chồng - Theo thông báo xử lý của Công an quận T2 – BL 38). Từ năm 2020 đến nay, ông **D** bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam V, Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khi bà **H** là người quản lý, duy trì, tu bổ khối tài sản chung.

Mặt khác, con chung đang bị bệnh trầm cảm nặng và đang phải điều trị theo bệnh án của Bệnh viện Bộ Xây dựng nhiều năm qua; mọi chi phí chữa trị và công sức chăm sóc đều do mình bà **H** lo liệu; hy vọng rằng trong thời gian tới con chung của ông bà sẽ khỏi bệnh, đi học, đi làm là nguồn động viên giúp đỡ ông bà sau này.

- Quá trình giải quyết ông bà đều thỏa thuận được là nhà sau khi ly hôn bà **H** là người quản lý và bà **H** có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông **D**. Tuy nhiên, ông bà không thỏa thuận được tỷ lệ phần trăm chia ngôi nhà trên.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc tài sản có được chủ yếu do bố mẹ ông **D** cho, nên ông **D** phải được chia nhiều hơn bà **H**; lỗi để xảy ra ly hôn lại do ông **D** gây ra nên căn cứ vào Điều 59 luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chia cho ông **Hồ Thế D** 52%, còn chia cho bà **Nguyễn Thị Lan H** 48% giá trị nhà, đất.

Đề nghị của Đại diện VKSND thành phố và kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Lan H** là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Tổng giá trị nhà đất của ông, bà qua định giá mà án sơ thẩm đã xác định có giá trị thành tiền là 11.203.832.830 đồng (Làm tròn: 11.203.833.000 đồng).

Bà **H** được giao sở hữu nhà và sử dụng đất, có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho ông **D** là:

$$11.203.833.000 \text{ đồng} \times 52/100 = 5.825.993.000 \text{ đồng}.$$

[5] Về án phí: Kháng cáo của bà **H** được chấp nhận một phần nên bà không phải nộp án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại bà **H** tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp.

Điều chỉnh án phí, chia tài sản có giá ngạch đối với phần tài sản mà các đương sự được hưởng sau chia. Nay các đương sự phải nộp cụ thể là:

Ông **Hồ Thế D** phải nộp là: 113.826.000 đồng;

Bà **Nguyễn Thị Lan H** phải nộp là: 113.378.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của bà **H** được UBND

phường K xác nhận ngày 18/6/2024, khi có cháu **Hồ Duy A** bị bệnh tật đã chữa trị nhiều năm, bà **H** là lao động duy nhất đang không có công ăn việc làm không có thu nhập, nay còn phải chăm sóc con bị bệnh tật trong thời gian dài tới nên Hội đồng xét xử quyết định giảm án phí cho bà **H** số tiền 35.000.000 đồng. Bà **H** còn phải nộp số tiền án phí tranh chấp là 78.378.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Lan H** đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 488/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội về “Chia tài sản khi ly hôn”.

Sửa án sơ thẩm:

1. Về tài sản chung: Xác nhận ông **Hồ Thế D** và bà **Nguyễn Thị Lan H** có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với toàn bộ ngôi nhà 05 tầng xây trên diện tích đất là 57m² (Trong giấy chứng nhận là 58,5m²) tại địa chỉ **số D ngách B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội** (Trên giấy tờ chứng nhận ghi địa chỉ cũ là: **Tổ 5 cụm D phường K, quận T, TP .**) đã được **UBND quận T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được **Văn phòng Đ – Chi nhánh quận T** đăng ký theo số 114 ngày 28/01/2011 mang tên **Hồ Thế D** và **Nguyễn Thị Lan H** theo Hợp đồng chuyển nhượng số 839.11 ngày 26/1/2011 lập tại **Phòng C1 Hà Nội**.

- Chia cho ông **Hồ Thế D** và bà **Nguyễn Thị Lan H** nhà đất tranh chấp khi ly hôn theo tỷ lệ 52/48 phần trăm.

- Giao cho bà **Nguyễn Thị Lan H** quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, bà **Nguyễn Thị Lan H** phải có nghĩa vụ thanh toán ngay cho ông **Hồ Thế D** tổng số tiền chênh lệch về tài sản chung là: 5.825.993.000 đồng (Năm tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Bà **Nguyễn Thị Lan H** có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại nhà đất về tên mình sau khi được chia theo đúng qui định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Bà **H** không phải nộp tiền án phí hôn nhân phúc thẩm; trả lại bà **H** số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004297 ngày 06/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Bà **H** phải nộp số tiền án phí tranh chấp chia tài sản là 78.378.000 đồng. Được trừ đi số tiền 19.806.000 đồng tạm ứng án phí mà bà **H** đã nộp tại biên lai số 0006856 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân; số tiền còn lại bà phải nộp tiếp là: 58.572.000 đồng.

Ông **Hồ Thế D** phải nộp số tiền án phí chia tài sản là: 113.826.000 đồng

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA